

# CHƯƠNG 1

## ĐẠI CƯƠNG VỀ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

**Câu 1:** *Hãy nêu các chỉ tiêu đánh giá mức độ mở cửa của 1 nền kinh tế theo quan điểm truyền thống và quan điểm hiện đại?*

↳ Theo quan điểm truyền thống, các chỉ tiêu đó là: tỉ lệ giá trị thương mại quốc tế ( tỉ lệ giá trị xuất khẩu, nhập khẩu ) trên tổng sản phẩm quốc nội (GDP).

↳ Theo quan điểm hiện đại, bổ sung thêm những hàng hóa tiềm năng có thể tham gia thương mại quốc tế, chứ không chỉ bao gồm những hàng hóa thực sự được xuất khẩu và nhập khẩu. Ngoài ra còn có thêm chỉ tiêu vốn quốc tế.

**Câu 2:** *Lợi ích và rủi ro khi tham gia thị trường tài chính quốc tế ?*

Lợi ích: Nhà đầu tư trong nước được cung cấp những nguồn vốn bổ sung từ nước ngoài, khi không thể huy động trên thị trường tài chính nội bộ trong nước, vì vậy nhờ thị trường tài chính quốc tế cho phép những nhà đầu tư tìm kiếm thêm những nguồn vốn từ nước ngoài để bổ sung vào ngân sách vốn của mình không những thế nhờ có thị trường tài chính quốc tế mà các nhà đầu tư có những cơ hội sinh lời cao và giảm được những rủi ro lớn về tài chính.

Rủi ro: Khi tham gia thị trường tài chính giữa các quốc gia luôn chịu ảnh hưởng lẫn nhau về mức tăng trưởng kinh tế tỷ giá, tỷ lệ lạm phát.

**Câu 3:** *Tại sao tài chính quốc tế ngày càng trở nên quan trọng ?*

Trước xu thế thương mại và chu chuyển vốn ngày càng được quốc tế hoá, những sự kiện tài chính trong nước cũng như quốc tế có ảnh hưởng ngay lập tức trên phạm vi toàn thế giới, do đó mọi quan hệ tài chính ngày càng trở nên được quốc tế hoá. Thực tế cho thấy những thị trường tài chính được liên kết chặt chẽ với nhau không những trên phạm vi quốc gia mà còn cả phạm vi quốc tế vì vậy những công ty các quốc gia khác nhau luôn đối mặt với thị trường tài chính giống nhau. Do đó vai trò của thị trường tài chính ngày càng trở nên quan trọng là một vấn đề không thể thiếu trong nền kinh tế mở vì:

Thứ nhất : giúp nhà quản trị nhận biết được thị trường quốc tế sẽ ảnh hưởng đến công ty như thế nào, trên cơ sở đó đề ra những hành động thích hợp để tận dụng khai thác những diễn biến có lợi và đồng thời đưa ra những giải pháp để tránh công ty khỏi tổn thất.

Thứ hai: giúp nhà quản trị lường trước những sự kiện có thể xảy ra và từ đó đề ra những quyết sách trước khi sự kiện xảy ra

Mặt khác các thị trường liên kết chặt chẽ với nhau cho nên những sự kiện xảy ra dù bất cứ ở đâu đều có ảnh hưởng ngay lập tức trên qui mô toàn cầu. vì thế tài chính quốc tế ngày càng trở nên quan trọng

**Câu 4:** *Giải thích vì sao thương mại quốc tế tăng nhanh hơn thương mại nội địa?*

Gồm 2 nguyên nhân:

+ Tự do hoá thương mại và đầu tư tài chính trên cơ sở giảm mức thuế quan, hạn ngạch, kiểm soát tiền tệ và những trở ngại khác đối với sự di chuyển hàng hoá và vốn quốc tế .

+Không gian kinh tế được thu hẹp nhanh chóng. Đây là kết quả của những cải tiến trong công nghệ thông tin và vận tải, làm cho chi phí kiên quan đến thương mại và đầu tư giảm

**Câu 5: Lợi thế so sánh là gì:**

Một hàng hoá có năng suất hơn các hàng hoá khác được thể hiện ở chỗ:cùng đầu vào như nhau chúng ta có thể sản xuất hàng hoá hàng hoá này có giá trị lớn hơn so với trường hợp nếu sản xuất ra hàng hoá khác. Trong kinh tế học hiện tượng “năng suất hơn “ còn là lợi thế so sánh.

**Câu 6 : Lợi thế cạnh tranh phát sinh từ đâu ?**

Lợi thế so sánh đã làm phát sinh lợi thế cạnh tranh. Tức là các nước tiến hành chuyên môn hoá sản xuất những hàng hoá và dịch vụ có năng suất hơn hàng hoá và dịch vụ khác. Năng suất của hàng hoá và dịch vụ này được xem là cao hơn hàng hoá và dịch vụ kia khi chúng có cùng yếu tố đầu vào nhưng sản xuất hàng hoá và dịch vụ này mang lại lợi ích nhiều hơn.

**Câu 7:Rủi ro quốc gia là gì :**

Rủi ro quốc gia bao gồm:bùng nổ chiến tranh cách mạng hay các sự kiện chính trị và xã hội khác xảy ra, khiến cho nhà xuất khẩu không thu được tiền. Rủi ro quốc gia liên quan đến đầu tư nước ngoài cũng như tín dụng thương mại. Rủi ro quốc gia xảy ra là do rất khó có thể vận dụng tính pháp lý cũng như tịch biên tài sản khi mà người mua ở quốc gia khác. Ngoài ra, có thể xảy ra trường hợp là người nhập khẩu tuy sẵn sàng nhưng không thể thanh toán tiền bằng hàng cho nhà xuất khẩu ...Những rủi ro khác liên quan đến thương mại quốc tế còn bao gồm cả những thay đổi đột biến trong việc xuất nhập khẩu, hạn ngạch, tài trợ cho những nhà sản xuất nội địa

**Câu 8 Hãy nêu khái niệm về thuật ngữ “Hedge”.**

Hedge là hoạt động bảo hiểm ngoại hối có kì hạn.Những người tham gia hoạt động này gọi là Hedgers (thường là các công ty). Hoạt động này giúp các nhà tham gia bảo hiểm được an toàn trước sự biến động của tỉ giá, tránh rủi ro hối đoái.

Tham gia Hedge có các thuận lợi: Hedgers vẫn có thể tiếp tục kinh doanh dù không đủ ngoại tệ trả ngay cho nhà xuất khẩu và được đảm bảo về lượng ngoại tệ thanh toán khi đến hạn.

**Câu 9:Những lợi ích cơ bản trong đầu tư tài chính là gì?**

Là việc cải thiện sự phân phối nguồn vốn và tăng được khả năng đa dạng hoá danh mục đầu tư. Lợi ích từ việc phân phối nguồn vốn hiệu quả hơn được bắt nguồn từ một thực tế rằng thông qua đầu tư quốc tế mà những nguồn vốn được chuyển từ những có ít cơ hội đầu tư và tỷ suất lợi nhuận thấp đến những quốc gia có nhiều cơ hội đầu tư hơn và tỷ suất lợi nhuận cao hơn.

**Câu 10:Những rủi ro cơ bản trong đầu tư tài chính quốc tế là gì?**

Những rủi ro bao gồm :rủi ro tỷ giá và rủi ro quốc gia. Những thay đổi tỷ giá làm cho giá trị tài sản có và tài sản nợ bằng ngoại tệ quy nội tệ thay đổi

Rủi ro tỷ giá từ quá trình toàn cầu hoá đầu tư tăng lên còn do các thị trường tài chính giữa các quốc gia phụ thuộc ảnh hưởng lẫn nhau.Sự kiện “ngày thứ Hai đen tối” khi thị

trường chứng khoán sụp đổ vào tháng 10 năm 1987 là minh chứng cho sự phụ thuộc lẫn nhau.

Ngoài rủi ro tỷ giá, việc nắm giữ tài sản nước ngoài luôn phải đối mặt với rủi ro quốc gia. Như đã nêu ở trên, rủi ro quốc gia liên quan đến khả năng xảy ra quốc hữu hoá, bị phá huỷ bởi chiến tranh hay cách mạng xảy ra. Ngoài ra rủi ro quốc gia còn liên quan đến sự thay đổi đến mức thuế đối với thu nhập nước ngoài, hay áp dụng những hạn chế trong thu nhập ...

**Câu 11: Nêu khái niệm về thuật ngữ “ Hot money “ là gì?**

Là những đồng tiền nóng di chuyển từ trung tâm tài chính này đến trung tâm tài chính khác để tìm kiếm cơ hội sinh lời cao hơn.

Cụ thể việc chuyển dịch vốn ngắn hạn và hay thay đổi giữa các nước xảy ra, trước hết nhằm đáp ứng sự chênh lệch về lãi suất giữa các trung tâm tài chính (kênh doanh chênh lệch giá) hay dự đoán về tăng, giảm giá hay tái định giá ngoại tệ (đầu cơ). Các đồng tiền nóng đầu cơ có khả năng phá vỡ việc quản lý tỷ giá” một cách có trật tự “ và phá vỡ thế cân bằng trong cán cân thanh toán và do vậy chịu sự kiểm soát ngoại hối của nhà chức trách tiền tệ.

**Câu 12: Khi tỷ giá của USD đột ngột thay đổi:**

a) Công dân Mỹ nắm giữ trái phiếu kho bạc Mỹ: khi tỷ giá của USD tăng làm cho giá ngoại tệ tính bằng nội tệ tăng, đồng USD giảm, công dân Mỹ sẽ bán trái phiếu ra để thu tiền về, sau đó họ sẽ mua đồng ngoại tệ. Tỷ giá giảm thì ngược lại, họ sẽ mua thêm nội tệ.

b) Công dân Mỹ nắm giữ cổ phiếu Đức: khi tỷ giá tăng, đồng USD sẽ giảm giá, đồng DEM sẽ tăng giá, do đó nắm giữ cổ phiếu Đức sẽ có lợi, và đầu tư nhiều hơn vào cổ phiếu của Đức. Ngược lại, tỷ giá giảm sẽ ít đầu tư vào cổ phiếu Đức hơn.

c) Công dân Mỹ du lịch tại Mexico: thì họ phải đổi thành tiền của Mexico. Vì vậy khi tỷ giá tăng đồng USD giảm, 1 USD đổi ra tiền của Mexico sẽ ít hơn so với khi tỷ giá không tăng, người ta sẽ mất nhiều chi phí cho việc du lịch, do đó họ sẽ hạn chế đi du lịch. Khi tỷ giá giảm thì ngược lại sẽ có nhiều người đi du lịch hơn.

d) Công dân Mỹ nắm giữ cổ phiếu của hãng Honda : tỷ giá tăng, đồng USD giảm, đồng yên Nhật tăng, việc quy đổi cổ phiếu hãng Honda ra USD sẽ ít hơn, do đó nắm giữ cổ phiếu của hãng Honda không có lợi. Tỷ giá giảm thì ngược lại.

e) Công dân Canada nghỉ mát ở Mỹ : Tỷ giá tăng, đồng USD giảm, đồng Canada cao giá hơn, và khi đổi ra USD sẽ thu được nhiều USD hơn, chi phí du lịch ở Mỹ sẽ giảm, việc du lịch ở Mỹ sẽ tăng.

**Câu 15 : những gì đứng đằng sau sự thành công của một ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu:**

Phía sau sự thành công của một ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu là những rủi ro bao gồm rủi ro về tỷ giá và rủi ro quốc gia

Những biến động không lường trước của tỷ giá ảnh hưởng rất lớn đến đến doanh số, giá cả và lợi nhuận của những nhà xuất khẩu .

Mặt khác các nhà xuất khẩu còn phải đối mặt với rủi ro quốc gia bao gồm bùng nổ chiến tranh, cách mạng, hay các sự kiện chính trị, xã hội khác xảy ra khiến cho các nhà

xuất khẩu không thu được tiền . Ngoài ra còn do những qui định chính sách của các quốc gia khác nhau cũng ảnh hưởng đến các nhà xuất khẩu như :qui định hạn chế chuyển tiền ra nước ngoài, thuế nhập khẩu, hạn ngạch, tài trợ cho nhà sản xuất nội địa cũng làm giảm tính cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu .

## CHƯƠNG 2 THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOÁI

**Câu 1**                    USD/GBP = (1.8020 – 1.8025)

a) Ngân hàng mua USD (bán GBP) theo tỷ giá  $1\text{USD} = \frac{1}{1.8025} = 0.5547$

b) Ngân hàng bán GBP tại tỷ giá  $1\text{GBP} = 1.8025\text{ USD}$

c) Khách hàng có thể bán USD tại tỷ giá  $1\text{USD} = \frac{1}{1.8025} = 0.5547$

**Câu 2:**

Ngân hàng B yết giá DEM/USD = (1,7640 – 1,7650)

Ngân hàng A có thể bán DEM tại tỷ giá  $1\text{USD} = 1,7640\text{DEM}$

**Câu 3**

Tỷ giá mua, tỷ giá bán và spread.

$\text{ESP/NOK} = (1.1935 - 1.1945)$

1/ Để mua được 1000000 NOK thì số ESP khách hàng phải thanh toán là:

$1.1945 * 1000000 = 1194500\text{ ESP}$

2/ Nếu bán 1000000 NOK thì số ESP khách hàng nhận được là:

$1.1935 * 1000000 = 1193500\text{ ESP}$

3/ Nếu khách hàng mua 1000000 ESP thì chi phí bằng NOK là:

$1000000 : 1.1945 = 837170.4\text{ NOK}$

4/ Nếu khách hàng bán 1000000 ESP thì số NOK nhận được là:

$1000000 : 1.1935 = 837871.8\text{ NOK}$

**Câu 4:**

Nhà môi giới giới thiệu giá chào mua cao nhất và giá chào bán thấp nhất , trên cơ sở đó thiết lập cơ chế yết giá hai chiều tốt nhất cho ngân hàng hối giá . Do vậy tỷ giá của nhà môi giới sẽ là:

$\text{JPY/USD} = (125.60 - 125.68)$

**Câu 6:**

a) Cơ hội giao dịch Arbitrage xảy ra khi 2 ngân hàng cùng niêm yết tỷ giá mà tỷ giá mua của ngân hàng này lớn hơn tỷ giá bán ra của ngân hàng kia.

Do vậy trong trường hợp này cơ hội giao dịch Arbitrage xảy ra vì giá mua USD của ngân hàng B lớn hơn tỷ giá bán USD của ngân hàng A.

b) Lãi nghiệp vụ khi giao dịch 10,000,000AUD

Mua USD của ngân hàng A:

$10,000,000 : 0.8525 = 11,730,205.28\text{ USD}$

Bán USD ở ngân hàng B:

$$1,173,0205.28 * 0.8526 = 10,001,173.02 \text{ AUD}$$

Lãi nghiệp vụ thu được:

$$10,001,173.02 - 10,000,000 = 1,173.02 \text{ AUD}$$

**Câu 7** SGD/USD = (2.1050 - 2.1060)

$$\Rightarrow \text{USD/SGD} = \left( \frac{1}{2.1060} - \frac{1}{2.1050} \right)$$

USD/FRF = (0.1240 - 0.1250)

$$\Rightarrow \text{SGD/FRF} = \left( \frac{0.1240}{\frac{1}{2.1050}} - \frac{0.1250}{\frac{1}{2.1060}} \right) = (0.26102 - 0.26325)$$

**Câu 8** JPY/USD = (134.50 - 134.60)

$$\Rightarrow \text{USD/JPY} = \left( \frac{1}{134.60} - \frac{1}{134.50} \right)$$

DEM/USD = (1.7660 - 1.7670)

$$\Rightarrow \text{USD/DEM} = \left( \frac{1}{1.7670} - \frac{1}{1.7660} \right)$$

$$\Rightarrow \text{JPY/DEM} = \left( \frac{\frac{1}{1.7670}}{\frac{1}{134.50}} - \frac{\frac{1}{1.7660}}{\frac{1}{134.60}} \right) = (76.118 - 76.217)$$

**Câu 9** MLR/USD = (2.2810 - 2.2830)

USD/GBP = (1.5070 - 1.5090)

$$\Rightarrow \text{MLR/GBP} = \left( \frac{1.5070}{\frac{1}{2.2810}} - \frac{1.5090}{\frac{1}{2.2830}} \right) = (3.4375 - 3.4450) \text{ (tỷ giá thị trường)}$$

Để có thể tạo ra 10 điểm spread về hai phía so với tỷ giá hoà vốn thì tỷ giá chéo công bố phải là (3.4375+10 - 3.4450-10) = (3.4385 - 3.4440)

**Câu 10** HKD/USD = (6.8560 - 6.8580)

USD/AUD = (1.0130 - 1.0510)

$$\text{Tỷ giá thị trường AUD/HKD} = \left( \frac{\frac{1}{6.8580}}{\frac{1}{1.0510}} - \frac{\frac{1}{6.8560}}{\frac{1}{1.0130}} \right) = (0.1387 - 0.1440)$$

Để tạo ra 1 điểm spread thì ngân hàng phải yết giá (0.1388 - 0.1439)

**Câu 12** VND/USD = (13995 - 14007)

DEM/USD = (1.7647 - 1.7653)

JPY/USD = (121.12 - 121.34)

$$\Rightarrow \text{VND/DEM} = \left( \frac{\frac{1}{1.7653}}{\frac{1}{13995}} - \frac{\frac{1}{1.7647}}{\frac{1}{14007}} \right) = (7927.83 - 7937.33)$$

$$\Rightarrow \text{VND/JPY} = \left( \frac{1}{\frac{121.34}{1}} - \frac{1}{\frac{121.12}{1}} \right) = (115.34 - 115.65)$$

$$\frac{1}{13995} \quad \frac{1}{14007}$$

$$\Rightarrow \text{JPY/DEM} = \left( \frac{1}{\frac{1.7653}{1}} - \frac{1}{\frac{1.7647}{1}} \right) = (68.612 - 68.760)$$

$$\frac{1}{121.12} \quad \frac{1}{121.34}$$

Các phương án thu nhập của công ty bằng VND:

- ❖ Nhận được 140 triệu JPY, công ty đem bán cho ngân hàng thu được số tiền VND là:  
 $140000000 * 115.34 = 161476 * 10^{10}$  (vnd)
- ❖ Khi cần trả tiền cho nhà xuất khẩu Đức ngân hàng đem VND mua DEM. Số tiền mà công ty phải trả:  $1600000 * 7937.33 = 1.27 * 10^{10}$

**Câu 13: Hãy trình bày khái niệm về các chế độ tỷ giá :**

Những quốc gia độc lập bao giờ cũng thiết lập một khung pháp lý dành cho các giao dịch tài chính quốc tế của riêng mình. Yếu tố then chốt của khung pháp lý là: Chế độ tỷ giá hối đoái, nó bao gồm những nguyên tắc xác định phương thức mua bán ngoại hối đối với các chủ thể nhân và pháp nhân là người cư trú và người không cư trú. Các quốc gia khác nhau có chế độ tỷ giá khác nhau và chế độ tỷ giá của quốc gia có thể thay đổi thời gian này qua thời gian khác. Có ba loại chế độ tỷ giá cơ bản:

+Chế độ tỷ giá thả nổi hoàn toàn: là chế độ trong đó chế độ tỷ giá được xác định hoàn toàn tự do theo quy luật cung cầu thị trường ngoại hối mà không có bất cứ sự can thiệp nào của NHTW

+Chế độ tỷ giá cố định: NHTW buộc phải can thiệp trên thị trường ngoại hối để duy trì tỷ giá biến động xung quanh tỷ giá cố định trong một biên độ hẹp đã được định trước. trong chế độ tỷ giá cố định , NHTW buộc phải mua vào hay bán ra đồng nội tệ nhằm giới hạn sự biến động của tỷ giá trong biên độ đã định

+Chế độ tỷ giá thả nổi có điều tiết :Khác với chế độ tỷ giá thả nổi hoàn toàn , chế độ tỷ giá thả nổi có điều tiết tồn tại khi NHTW tiến hành can thiệp trên thị trường ngoại hối nhằm ảnh hưởng lên tỷ giá

**Câu 14: Bản chất của chế độ tỉ giá thả nổi hoàn toàn và vai trò của NHTW trong chế độ này?**

⇒ Bản chất của chế độ tỉ giá thả nổi là việc tỉ giá tự điều chỉnh để phản ánh những thay đổi trong quan hệ cung cầu trên thị trường ngoại hối và vai trò của NHTW trên thị trường ngoại hối là hoàn toàn trung lập.

Vai trò của NHTW:

Trong chế độ tỉ giá thả nổi hoàn toàn, NHTW không can thiệp nhằm ảnh hưởng lên tỉ giá thông qua hoạt động mua vào hay bán ra đồng nội tệ trên thị trường ngoại hối. NHTW để cho tỉ giá được xác định hoàn toàn tự do bởi quy luật cung cầu trên thị trường ngoại hối nên cung cầu ngoại hối trên thị trường luôn ở trạng thái cân bằng.

Trong chế độ tỉ giá thả nổi, khi cầu một đồng tiền trên thị trường ngoại hối tăng làm cho đồng tiền này lên giá( USD lên giá ) và khối lượng giao dịch bằng USD trên thị trường ngoại hối tăng. Ngược lại, khi cung một đồng tiền trên thị trường ngoại hối tăng làm cho đồng tiền này giảm giá và khối lượng giao dịch bằng đồng tiền này trên thị trường ngoại hối tăng.

**Câu 15: Bản chất của chế độ tỉ giá cố định và vai trò của NHTW trong chế độ tỉ giá này?**

Bản chất của chế độ tỉ giá cố định: NHTW buộc phải can thiệp trên thị trường ngoại hối để duy trì tỉ giá biến động xung quanh tỉ giá cố định( gọi là tỉ giá trung tâm ) trong một biên độ hẹp đã được định trước. Để tiến hành can thiệp trên thị trường ngoại hối đòi hỏi NHTW phải có sẵn nguồn dự trữ ngoại hối nhất định. Do mỗi đồng tiền quốc gia đều có tỉ giá với các đồng tiền khác, do đó tỉ giá của một đồng tiền có thể được thả nổi với đồng tiền này nhưng lại được neo cố định với 1 đồng tiền khác.

Vai trò của NHTW:

NHTW phải duy trì một lượng dự trữ ngoại hối nhất định để tiến hành can thiệp trên thị trường ngoại hối nhằm duy trì tỉ giá cố định. Khác với chế độ tỉ giá thả nổi, trong chế độ tỉ giá cố định NHTW là người can thiệp để duy trì tỉ giá cố định trên thị trường. Cũng giống như trên các thị trường hàng hóa khác, khi chính phủ cố định giá cả thì luôn tồn tại 1 độ lệch nhất định giữa cung và cầu trên thị trường. Trong trường hợp thị trường ngoại hối, để cho thị trường cân bằng, NHTW buộc phải hấp thụ toàn bộ mức chênh lệch giữa cung và cầu ngoại hối bằng cách mua vào hay bán ra đồng nội tệ của mình.

**Câu 17** Nếu tỉ giá trung tâm do Ngân hàng Trung ương ấn định thấp hơn tỉ giá cân bằng được hình thành theo quan hệ cung cầu trên thị trường ngoại hối thì đồng tiền yết giá được coi là đồng tiền định giá thấp và đồng tiền định giá được coi là đồng định giá cao so với tỉ giá cân bằng và ngược lại, nếu tỉ giá trung tâm cao hơn tỉ giá cân bằng thì đồng tiền yết giá được coi là đồng tiền định giá cao và đồng tiền định giá được coi là đồng định giá thấp so với tỉ giá cân bằng.

**Câu 18: Nhân tố buộc NHTW phải thay đổi tỉ giá trung tâm :**

Do lực lượng cung cầu trên thị trường thường xuyên thay đổi, do đó giữa cung và cầu ngoại hối luôn có một độ lệch nhất định ,khi độ lệch trở nên gay gắt và dự trữ ngoại hối cạn kiệt, buộc NHTW phải thay đổi tỉ giá trung tâm.

Ngoài các yếu tố về chính trị và xã hội thì thị trường luôn là yếu tố thường trực và tỏ ra khó triệt tiêu khiến NHTW phải tiến hành can thiệp.

Khi NHTW ấn định tỉ giá ngoại tệ quá thấp để duy trì tỉ giá cố định, buộc NHTW phải bán ngoại tệ và mua nội tệ, nếu quan hệ cung-cầu thị trường không thay đổi thì dự trữ ngoại hối của NHTW sẽ cạn kiệt dần dẫn đến một cuộc khủng hoảng ngoại hối có thể xuất hiện. Buộc NHTW phải áp đặt các biện pháp kiểm soát ngoại hối hay đóng cửa thị trường ngoại hối. Để tránh tai họa NHTW phải điều chỉnh tỉ giá trung tâm tăng lên sát với tỉ giá cân bằng làm cho dự trữ ngoại hối của NHTW dừng, không giảm nữa.

Tỉ giá trung tâm tăng làm cho giá của ngoại tệ tính bằng nội tệ tăng và người ta gọi hành động điều chỉnh tăng tỉ giá trung tâm của NHTW là “Phá giá” nội tệ.

Khi điều chỉnh tỉ giá trung tâm giảm xuống làm cho giá của ngoại tệ tính bằng nội tệ giảm xuống, người ta gọi hành động này là “nâng giá” nội tệ.

“Phá giá” làm cho nội tệ “giảm giá”, “Nâng giá” làm cho nội tệ “lên giá”. Phá giá và nâng giá được áp dụng trong chế độ tỉ giá cố định khi NHTW điều chỉnh tỉ giá trung tâm, còn lên giá và giảm giá được dùng trong chế độ tỉ giá linh hoạt khi tỉ giá trên thị trường thay đổi. Sự khác nhau giữa phá giá(nâng giá) và giảm giá(lên giá) chỉ là về mặt thuật ngữ.

**Câu 20** a/ Anh và Mỹ duy trì chế độ tỉ giá thả nổi, vậy tỉ giá cân bằng cũng chính là tỉ giá cân bằng cung cầu trên thị trường:

$$\text{Ta có: } Q_S = Q_D$$

$$10-3E=5+2E$$

$$E=1$$

Số lượng GBP được giao dịch trên thị trường  $Q_D=Q_S=7000000$  bảng Anh

b) Cục dự trữ liên bang Mỹ quyết định can thiệp mua 3000000 bảng Anh trên thị trường ngoại hối

Hàm cung của bảng Anh:  $Q_D=2+2E$

$$Q_S=Q_D$$

$$10-3E=2+2E$$

$$E=8/5$$

Nếu can thiệp của FED là sự kiện duy nhất xảy ra trên thị trường, tác động của can thiệp lên tỉ giá chỉ là tạm thời vì tỉ giá chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố xuất nhập khẩu, đầu cơ ngoại tệ.

c) Giả sử Anh và Mỹ duy trì chế độ tỉ giá cố định tại mức tỉ giá USD/GBP=2

Mức cầu ngoại tệ trên thị trường:  $Q_d=4\ 000\ 000$  GBP

Mức cung ngoại tệ trên thị trường:  $Q_s=9\ 000\ 000$  GBP

Để tỉ giá cố định thì dự trữ ngoại hối của Mỹ phải tăng lên với số lượng

$$Q_s - Q_d = 5\ 000\ 000 \text{ GBP}$$

Giải thích:

với mức tỉ giá  $E=2$  thì sẽ tác động làm cho các doanh nghiệp của Mỹ tăng xuất khẩu làm cho cung ngoại tệ tăng lên và giảm nhập khẩu làm cho cầu ngoại tệ giảm xuống. Khi đó cung tăng cầu giảm sẽ làm cho tỉ giá cân bằng thị trường giảm. Vì vậy để giữ tỉ giá không đổi thì FED phải tăng dự trữ GBP

### CHƯƠNG 3

### CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

**Câu 1:**

BOP phản ánh doanh số giao dịch trong một thời kỳ.

Vì theo khái niệm BOP là một bản báo cáo thống kê tổng hợp có hệ thống, ghi chép lại tất cả các giao dịch kinh tế giữa người cư trú và người không cư trú trong một thời kỳ nhất định thường là một năm.



**Câu 3:**Những nhân tố nào ảnh lên giá trị XK hàng hoá của một nước?

1.Nhân tố tỷ giá :Với các nhân tố khác không thay đổi, khi tỷ giá tăng ,làm cho giá hàng hoá tính bằng ngoại tệ giảm, kích thích tăng khối lượng dẫn đến :

- a.Làm tăng giá trị xuất khẩu tính bằng ngoại tệ:
- b.Làm cho giá trị xuất khẩu bằng ngoại tệ có thể tăng hoặc giảm

2.Nhân tố lạm phát :Với các nhân tố khác không đổi, nếu tỷ lệ lạm phát của một nước cao hơn của nước ngoài, làm giảm sức cạnh tranh của hàng hoá cùng loại của các nước này trên thị trường quốc tế , do đó làm cho khối lượng xuất khẩu giảm; và

-Nếu đường cung xuất khẩu tính bằng nội tệ và co giãn với giá cả , thì giá trị xuất khẩu tính bằng nội tệ sẽ giảm, do đó cầu nội tệ trên FOREX sẽ giảm

-Nếu đường cung tính bằng ngoại tệ là không co giãn với giá cả, thì giá trị xuất khẩu tính bằng nội tệ sẽ tăng , do đó cầu nội tệ trên FOREX sẽ tăng

Tóm lại ảnh hưởng nhân tố lạm phát trên giá trị xuất khẩu tính bằng nội tệ và ngoại tệ không chính xác và không rõ ràng

3.Giá thế giới của hàng hoá xuất khẩu tăng:với các nhân tố không đổi ,nếu giá thế giới của hàng hoá xuất khẩu một nước sẽ tăng sẽ làm tăng khối lượng xuất khẩu , do đó làm tăng cầu nội tệ và cung ngoại tệ . Hay nói các khác, khi giá thế giới của hàng hoá xuất khẩu tăng, làm tăng giá trị xuất khẩu tính bằng nội tệ và ngoại tệ

4.Thu nhập của người không cư trú:với các nhân tố không đổi, khi thu nhập thực tế của người không cư trú tăng , làm tăng cầu xuất khẩu bởi người không cư trú , do đó làm tăng cầu nội tệ và cung ngoại tệ, tức làm tăng giá trị xuất khẩu bằng ngoại tệ và nội tệ

5.Thuế quan và hạn ngạch ở nước ngoài :với các nhân tố khác không đổi ,giá trị xuất khẩu của một nước sẽ giảm nếu bên nước ngoài áp dụng mức thuế quan cao , hạn ngạch nhập khẩu thấp cũng như áp dụng các hàng rào phi thuế quan như:yêu cầu về chất lượng hàng hoá và tệ nạn quan liêu, kết quả là giảm cầu nội tệ.

**Câu 4: Phân biệt cán cân hữu hình và vô hình?**

↳ Cán cân hữu hình(cán cân thương mại): Nó phản ánh chênh lệch giữa các khoản thu từ xuất khẩu và các khoản chi cho nhập khẩu hàng hóa, mà các hàng hóa này lại có thể quan sát được bằng mắt thường khi di chuyển qua biên giới. Khi thu nhập từ xuất khẩu lớn hơn chi cho nhập khẩu hàng hóa, thì cán cân thương mại thặng dư. Ngược lại, khi thu nhập từ xuất khẩu thấp hơn chi cho nhập khẩu hàng hóa, thì cán cân thương mại thâm hụt.

↳ Cán cân vô hình( cán cân dịch vụ, thu nhập và chuyển giao vãng lai một chiều ): không thể quan sát được bằng mắt thường như các khoản viện trợ không hoàn lại, quà tặng, quà biếu và các khoản chuyển giao khác bằng tiền, hiện vật cho mục đích tiêu dùng do người không cư trú chuyển giao cho người cư trú và ngược lại.

**Câu6: Thâm hụt cán cân thương mại .ý nghĩa của cán cân thương mại ?**

cán cân thương mại là chênh lệch giữa giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu về hàng hoá

$$TB=X-M=-(S_E+I_C+T_R+K_L+K_S+dR)$$

cán cân thương mại thâm hụt khi:(X-M)<0.

Ý nghĩa:

Cán cân thương mại là bộ phận chính cấu thành cán cân vãng lai, cán cân thương mại phản ánh kịp thời xu hướng vận động của cán cân vãng lai

**Câu 7** Cán cân vãng lai ghi chép những hạng mục về thu nhập, mà đặc trưng của chúng là phản ánh mối quan hệ sở hữu về tài sản giữa người cư trú và người không cư trú. Cán cân vãng lai thâm hụt khi tổng cán cân hữu hình và vô hình là số dương. Điều này có thể hiểu là tổng số tiền nhận được từ xuất khẩu hàng hoá và nhận chuyển giao một chiều lớn hơn tổng số tiền chi cho việc nhập khẩu hàng hoá và chi chuyển giao một chiều

Ý nghĩa của cán cân vãng lai là cho biết dòng tiền của một quốc gia đang chảy vào hay chảy ra

**Câu 8** Cán cân vốn là luồng vốn chảy vào và luồng vốn chảy ra khỏi 1 quốc gia được phân theo tiêu chí “chủ thể” và “khách thể”.

Thâm hụt cán cân vốn xảy ra khi luồng vốn chảy vào nhỏ hơn luồng vốn chảy ra khỏi 1 quốc gia.

Ý nghĩa: cán cân vốn phản ánh sự di chuyển vốn vào và ra khỏi một quốc gia, trong đó:

\* Luồng vốn chảy vào phản ánh :

Hoặc giảm tài sản có của người cư trú đối với người không cư trú

Hoặc tăng tài sản nợ của người cư trú đối với người không cư trú

\* Luồng vốn chảy ra phản ánh :

Hoặc tăng tài sản có của người cư trú đối với người không cư trú

Hoặc giảm tài sản nợ của người cư trú đối với người không cư trú

**Câu 9:** Cán cân cơ bản gồm cán cân vãng lai và cán cân vốn dài hạn. Cán cân vãng lai ghi chép các hạng mục về thu nhập (phản ánh mối quan hệ sở hữu về tài sản của người cư trú và người không cư trú) do đó cán cân vãng lai ảnh hưởng lâu dài đến ổn định nền kinh tế, đặc biệt là tỉ giá hối đoái. Các khoản đi vay kì hạn càng dài thì càng gần với thu nhập, những khoản cho vay càng dài hạn càng gần với những khoản chi từ thu nhập do đó cũng ảnh hưởng lâu dài đến sự ổn định của nền kinh tế.

Vì vậy cán cân vãng lai và cán cân vốn dài hạn đã hình thành nên cán cân cơ bản.

Cán cân cơ bản được các nhà phân tích và hoạch định chính sách kinh tế đặc biệt quan tâm vì tính chất ổn định của nó ảnh hưởng lâu dài đến nền kinh tế và tỉ giá hối đoái. Từ đó họ có những biện pháp phù hợp để điều chỉnh nền kinh tế ngày càng phát triển hơn.

**Câu 10:**

### **1. Cán cân tổng thể:**

Cán cân tổng thể phản ánh các hoạt động của ngân hàng trong cán cân vãng lai và cán cân vốn.

Nếu công tác thống kê đạt mức chính xác tuyệt đối (tức nhầm lẫn và sai sót là bằng 0), thì cán cân tổng thể bằng tổng của cán cân vãng lai và cán cân vốn. Trong thực tế, do có rất nhiều vấn đề phức tạp về thống kê trong quá trình thu thập số liệu và lập BOP, do đó, thường phát sinh những nhầm lẫn và sai sót. Khi đó:

Cán cân tổng thể = cán cân vãng lai + cán cân vốn + nhầm lẫn và sai sót

### **2. Ý nghĩa của cán cân tổng thể:**

- Phản ánh tình trạng của một quốc gia có thể tăng dự trữ ngoại hối hay buộc phải bán ra dự trữ ngoại hối của mình.

+ Nếu cán cân tổng thể thặng dư, nó cho biết số tiền có sẵn để quốc gia đó có thể sử dụng để tăng (mua vào) dự trữ ngoại hối.

+ Nếu cán cân tổng thể thâm hụt, nó cho biết số tiền mà quốc gia đó phải hoàn trả bằng cách giảm (bán ra) dự trữ ngoại hối là như thế nào.

### **Câu 12 Giải thích tại sao dự trữ ngoại hối tăng lại ghi nợ và ngược lại ?**

Dự trữ ngoại hối là thành phần có vai trò quyết định trong cán cân bù đắp chính thức. Để bảo đảm BOP luôn cân bằng thì:

Cán cân tổng thể (OB) + Cán cân bù đắp chính thức = 0

Khi OB thặng dư, để tránh ngoại tệ lên giá, NHTW mua ngoại tệ vào, do đó dự trữ ngoại hối tăng. Việc mua ngoại tệ vào của NHTW làm tăng cung nội tệ trên thị trường ngoại hối. Theo quy tắc, phải ghi nợ vào bút toán. Và ngược lại, dự trữ ngoại hối giảm thì ghi có.

### **Câu 13:**

Khi công ty khai thác vàng nội địa bán vàng cho NHTW nước mình, sẽ không xảy ra BOP vì cả hai bên đều là người cư trú.

Khi công ty này bán vàng cho người không cư trú thì BOP sẽ xảy ra. Giao dịch này sẽ thu về ngoại tệ cho quốc gia.

**Câu 14:** Trong cán cân tổng thể, tùy theo mỗi chính sách của quốc gia mà có nước tăng dự trữ ngoại hối tức là thặng dư, có nước giảm dự trữ ngoại hối tức là thâm hụt. Dự trữ ngoại hối thường được các ngân hàng trung ương sử dụng vào can thiệp để mua nội tệ trong những trường hợp cần bảo vệ nội tệ không bị giảm giá. Do có nước thâm hụt, có nước thặng dư nên cán cân tổng thể của IMF sẽ cân bằng.

### **Câu 15 Các trường hợp lạm phát làm tăng giá trị xuất khẩu:**

Nếu các nhân tố khác không đổi, đường cung xuất khẩu tính bằng nội tệ không có dẫn với giá cả, nếu như tỉ lệ lạm phát tăng sẽ làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa cùng loại của nước này trên thị trường quốc tế, làm khối lượng xuất khẩu giảm (nhưng giảm ít hơn so với giá xuất khẩu tính bằng nội tệ) sẽ làm cho giá trị xuất khẩu tính bằng nội tệ sẽ tăng (cầu nội tệ trên FOREX theo đó sẽ tăng)

Nội tệ giảm giá nhanh hơn so với tỉ lệ lạm phát làm cho khối lượng xuất khẩu tăng, kì vọng thu được nhiều ngoại tệ cao dẫn đến giá trị hàng xuất khẩu tăng.

**Câu 17 Tại sao khi các nhân tố ngoại sinh làm tăng xuất khẩu thì nội tệ lên giá dù BOP luôn bằng 0 ? Câu trả lời của bạn có liên quan như thế nào với quy luật cung cầu khi mà cung luôn bằng cầu ngay cả sau khi cầu tăng lên ?**

Xuất khẩu tăng làm tăng cung ngoại tệ và tăng cầu nội tệ trên thị trường ngoại hối, do đó nội tệ lên giá. Dù vậy, BOP vẫn luôn cân bằng, đó là do BOP được hạch toán theo nguyên tắc bút toán kép. Mỗi bút toán đều có đối ứng đầu đó trong BOP. Xuất khẩu tăng có thể làm tăng quy mô bút toán dương, mà BOP luôn cân bằng. Điều này có nghĩa là BOP đã cân bằng ở mức cao hơn. Như vậy nó cũng phù hợp với quy luật cung cầu